

Bản án số: **01/2022/ DS-ST**

Ngày 23/02/2022

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Ngô Phiên.

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLST-DS, ngày 19/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 04/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1968. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn AT, xã AT1, huyện YT, tỉnh BG.

* Bị đơn: 1, Ông Lâm Văn H, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

2, Anh Lâm Trọng B1, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn LT, xã TT, huyện YT, tỉnh BG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn AT, xã AT1, huyện YT, tỉnh BG.

2, Chị Lý Thị Th, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LT, xã TT, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B trình bày: Gia đình ông làm nghề buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm ở xã AT1, huyện YT, tỉnh BG. Năm 2010 ông H và anh Bốn có đặt vấn đề mua cám theo hình thức trả chậm để về chăn nuôi gà, lợn, ông đã đồng ý. Cụ thể gia đình ông H, anh Bốn bắt đầu mua cám của gia đình ông từ năm 2010, theo hình thức đầu tư, có nghĩa là sau mỗi lứa gà lợn được bán (khoảng 4 tháng) thì ông Hùng và anh B1 có trách nhiệm thanh toán tiền cám cho ông, lứa nào hết lứa đấy và ông đã ghi lại vào sổ để theo dõi. Đến tháng 5 năm 2017 thì gia đình ông H không chăn nuôi và mua cám của gia đình ông nữa, hai bên có chốt sổ với nhau. Theo đó ông Lâm Văn H và anh Lâm Trọng B1 còn nợ vợ chồng ông số tiền 61.460.000 đồng (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Từ khi chốt nợ bố con ông H chưa trả cho gia đình ông được số tiền nào. Số nợ trên ông đã đòi nhiều lần nhưng gia đình ông H vẫn chưa trả. Nay ông yêu cầu ông Lâm Văn H, anh Lâm Trọng B1 và chị Lý Thị Th phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 61.460.000 đồng (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ đầu tháng 6/2017 đến ngày xét xử 23/02/2022 và ông H, anh B1, chị Th phải tiếp tục chịu lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử vụ án.

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Lâm Văn H trình bày: Ông xác nhận gia đình ông có chăn nuôi gà, lợn và có mua cám của ông Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, ông đã giao toàn bộ kinh tế gia đình cho vợ chồng anh Bốn, việc giao dịch là do vợ chồng anh B1 con trai ông trực tiếp lấy cám và ký nhận với ông B nên ông không biết gia đình ông còn nợ tiền cám ông B bao nhiêu. Nay ông B khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả ông B số tiền mua cám còn nợ gốc 61.460.000 đồng (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2017 đến khi tất toán khoản nợ thì ông đồng ý. Khoản nợ ông B đã lâu, ông B thường xuyên vào nhà ông yêu cầu thanh toán nhưng do dịch đã phức tạp, kinh tế khó khăn nên ông xin được trả dần. Các văn bản của Tòa án giao, ông nhận thay và đã giao lại toàn bộ cho anh B1.

* Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Bốn không đến Tòa án làm việc; Tòa án nhiều lần đến nhà anh B1 nhưng đều không gặp nên không có lời khai anh B1 lưu trong hồ sơ.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B chồng bà, bà không bổ sung vấn đề gì khác.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị Th trình bày: Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh Bốn chồng chị thì chị nhận thay và đã giao lại cho anh B1; anh B1 đã biết toàn bộ nội dung vụ kiện nhưng không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B thì chị Th xác nhận chị kết hôn với anh B1 năm 2012, sau khi kết hôn thì gia đình chị có mua cám của gia đình ông B để chăn nuôi gà, lợn. Khi mua bán các bên có thỏa thuận sau mỗi lứa gà, lợn được bán thì vợ chồng chị có trách nhiệm thanh toán tiền cám của gia đình ông B. Tuy nhiên, do chăn nuôi dịch bệnh, thua lỗ nên cuối năm 2017 gia đình chị không chăn nuôi và mua cám của ông B nữa. Các bên có chót nợ số tiền 61.460.000 đồng. Chị Th đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông B nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị xin được trả dần tiền gốc và chị xin được miễn toàn bộ lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông H, anh B1 và chị Th phải trả ông B tổng số tiền 90.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 61.460.000 đồng và tiền lãi là 28.940.000 đồng.

- Về án phí: Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST. Anh B1 và chị Th phải chịu 3.013.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết về việc buộc ông Lâm Văn H, anh Lâm Trọng B1 cùng chị Lý Thị Th cùng liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện YT. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là ông B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông H, anh B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Về nội dung:**

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đưa ra là sổ mua bán cám. Trong lời khai của mình, ông H và chị Th đều khẳng định gia đình trước đây có chăn nuôi gà, lợn và có mua cám của gia đình ông B và đều thừa nhận còn nợ lại tiền cám của ông B là 61.460.000 đồng như sổ mua bán cám mà ông B đã xuất trình.

Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các bên có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau là đúng sự thật. Sau khi kết thúc việc mua bán các bên đều xác nhận có việc thanh toán và chốt nợ với nhau. Ông H, chị Th xác nhận còn nợ tiền cám của gia đình ông B là 61.460.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện đòi tiền cám còn nợ gốc của ông B đối với ông H và vợ chồng anh B1 là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: Trong sổ mua bán cám các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận việc mua bán cám là mua theo hình thức trả chậm, sau mỗi lứa chăn nuôi được xuất bán phải có nghĩa vụ trả tiền cám. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B yêu cầu ông H và vợ chồng anh B1, chị Th phải trả số tiền lãi là 0,83%/tháng từ số tiền còn nợ gốc là 61.460.000 đồng, thời điểm tính lãi từ tháng 6/2017 đến khi xét xử là 55 tháng 22 ngày. Tổng số tiền lãi phải trả là 28.429.000 đồng. Đối với yêu cầu này của ông B thì ông H, chị Th đều xác nhận việc tính lãi của ông B là đúng nhưng gia đình xin được miễn lãi. Hội đồng

xét xử xét thấy: Yêu cầu tính lãi của ông B là có căn cứ vì số tiền lãi mà ông B yêu cầu là phù hợp với quy định tại các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy cần buộc ông H và vợ chồng anh Bốn phải trả tiền lãi theo yêu cầu của ông B là có căn cứ.

[6] Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận, do vậy ông Lâm Văn H, anh Lâm Trọng B1 và chị Lý Thị Th phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lâm Văn H là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả ông Nguyễn Văn B tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Lâm Văn H, anh Lâm Trọng B1 và chị Lý Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị V tổng số tiền 89.889.500 đồng (Tám mươi chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 61.460.000 đồng và tiền lãi là 28.429.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm Văn H.
- Anh Lâm Trọng B1 và chị Lý Thị Th phải chịu 2.996.200 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả ông Nguyễn Văn B số tiền 2.186.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí ông B đã nộp theo Biên lai số 0008520 ngày 14/10/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh BG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện YT;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT;
- Công thông tin điện tử Toà án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng